

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

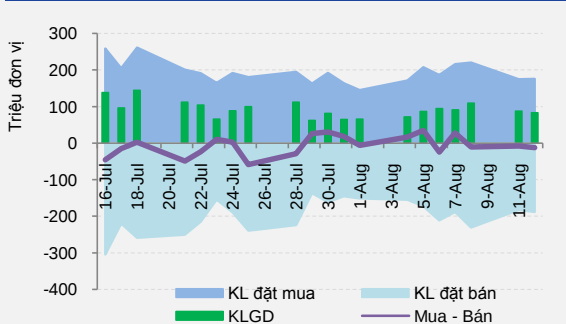
Phiên giao dịch ngày:

12/8/2014

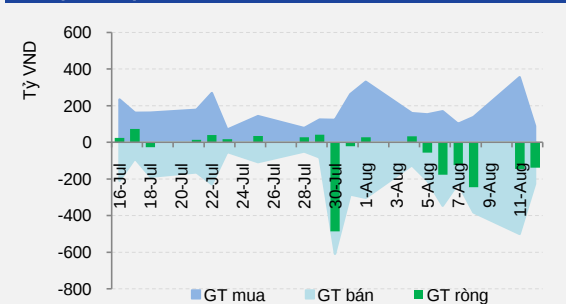
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	601.8	80.5
% Thay đổi	↓ -0.1%	↓ -0.1%
KLGD (CP)	82,997,797	66,732,126
GTGD (tỷ đồng)	1,457.95	1,125.64
Tổng cung (CP)	188,031,660	74,451,800
Tổng cầu (CP)	175,910,720	65,997,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,880,587	571,177
KL mua (CP)	1,922,707	276,000
GTmua (tỷ đồng)	88.28	7.25
GT bán (tỷ đồng)	227.45	10.36
GT ròng (tỷ đồng)	(139.18)	(3.11)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.92%	11.5	3.1	3.6%
Công nghiệp	↓ -0.05%	33.1	1.2	36.9%
Dầu khí	↑ 1.96%	8.3	2.3	4.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.39%	16.1	2.0	4.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.03%	11.4	3.0	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.50%	12.4	4.5	9.4%
Ngân hàng	↓ -0.25%	8.5	1.2	2.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.17%	13.4	2.3	5.8%
Tài chính	↑ 1.09%	12.8	2.5	29.1%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.87%	30.7	5.6	3.1%
VN - Index	↓ -0.06%	15.0	3.4	56.4%
HNX - Index	↓ -0.15%	16.8	1.7	43.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)				
GTGD (triệu VND)				

Thị trường điều chỉnh giảm nhẹ trên cả 2 sàn. Nhóm cổ phiếu VN30 là tâm điểm của thị trường khi giữ được sắc xanh cuối phiên và giúp VN-Index tăng điểm trong hầu hết thời gian giao dịch phiên chiều. Thanh khoản không có sự cải thiện tích cực. Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng mạnh trên HSX.

VN-Index tiếp tục điều chỉnh giảm điểm nhẹ. Đáng chú ý đây là phiên thứ 3 liên tiếp chỉ số này giảm điểm, tiệm cận ngưỡng hỗ trợ 600 trong cả phiên sáng và phiên chiều. Đóng cửa VN-Index giảm 0,35 điểm (0,06%) xuống mức 601,78 điểm. Đà giảm xuất phát từ các mã trụ cột của thị trường như VNM, GAS, MSN kết hợp với lượng cầu yếu hình thành xu hướng giảm giá trên diện rộng trong hầu hết phiên giao dịch. Nhóm các cổ phiếu trong VN30 hoạt động khá tốt với tâm điểm là PVD và VIC. Có thời điểm nhóm cổ phiếu này có tới 15 mã tăng điểm, kéo VN-Index tăng hơn 3 điểm trong phiên chiều. Độ rộng thị trường chung ghi nhận đà giảm khá rộng với 121 mã giảm giá và chỉ có 91 mã tăng giá.

HN-Index cùng chung xu hướng giảm điểm với VN-Index, mặc dù mức giảm 0,13 điểm không đủ sức kéo chỉ số này thủng ngưỡng hỗ trợ 80 điểm, tuy nhiên ngưỡng hỗ trợ này cho thấy sự mong manh khi thanh khoản chung thấp do lực cầu yếu và số mã giảm trải đều trên diện rộng. Chốt phiên sáng HNX có tới 123 mã giảm và 62 mã tăng giá tuy nhiên sự hồi phục về cuối phiên của một số mã trụ trên sàn này khiến số mã giảm thu hẹp xuống còn 96 mã so với 92 mã tăng giá.

Trong phiên sáng nay, VCS có lượng giao dịch thỏa thuận đột biến 29,4 triệu đơn vị tương ứng gần 679 tỷ đồng, chiếm hơn 55% lượng cổ phiếu đang lưu hành của VCS. Giao dịch bất thường này liên quan đến kế hoạch chuyển Vicostone trở thành công ty con của CTCP Phụng Hoàng Xanh A&A như nội dung đã được thông qua của kỳ họp ĐHCĐ vừa qua.

MSN trong vài phiên qua luôn nằm trong top các mã bị khối ngoại bán ròng mạnh nhất. Chính việc không có lực đỡ từ khối ngoại khiến cổ phiếu này giảm tới 7% trong nửa tháng qua. Phiên giao dịch hôm nay cổ phiếu này có lúc giảm tới 2.000 đồng xuống mức 84.500 đồng/cp. Tuy nhiên chốt phiên có nhịp hồi khá và chỉ giảm 0,58% xuống mức 86.000 đồng/cp. VCF là mã có sự biến động mạnh nhất trong phiên hôm nay. Mặc dù chỉ có 350 cổ phiếu được giao dịch trong phiên, tuy nhiên với mức vốn hóa lớn, mức giảm sâu 9.000 đồng/cp trong khi đầu phiên tăng 5.000 đồng/cp có sự tác động khá lớn đến thị trường chung.

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

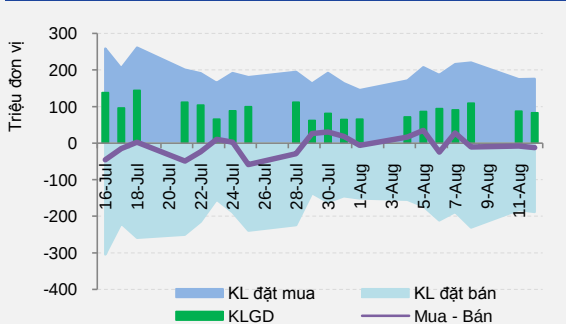
Phiên giao dịch ngày:

12/8/2014

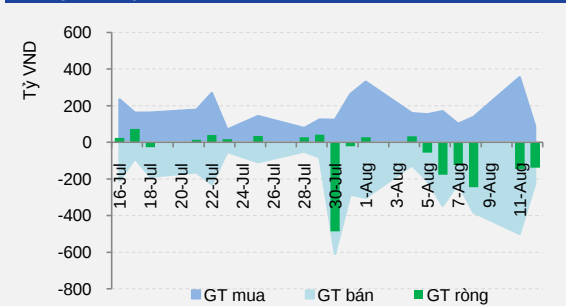
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	601.8	80.5
% Thay đổi	↓ -0.1%	↓ -0.1%
KLGD (CP)	82,997,797	66,732,126
GTGD (tỷ đồng)	1,457.95	1,125.64
Tổng cung (CP)	188,031,660	74,451,800
Tổng cầu (CP)	175,910,720	65,997,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	4,880,587	571,177
KL mua (CP)	1,922,707	276,000
GTmua (tỷ đồng)	88.28	7.25
GT bán (tỷ đồng)	227.45	10.36
GT ròng (tỷ đồng)	(139.18)	(3.11)

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN

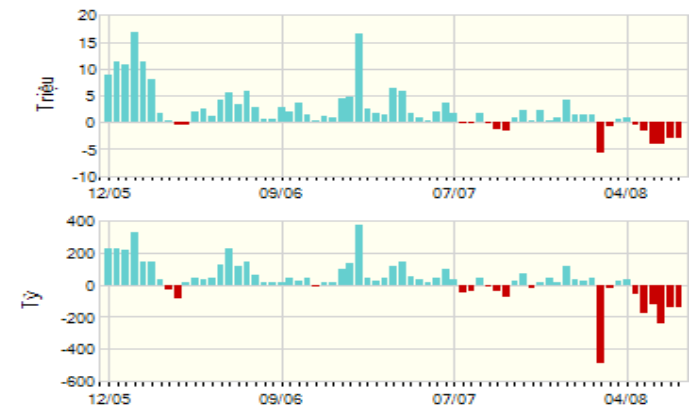


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.92%	11.5	3.1	3.6%
Công nghiệp	↓ -0.05%	33.1	1.2	36.9%
Dầu khí	↑ 1.96%	8.3	2.3	4.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.39%	16.1	2.0	4.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.03%	11.4	3.0	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.50%	12.4	4.5	9.4%
Ngân hàng	↓ -0.25%	8.5	1.2	2.2%
Nguyên vật liệu	↓ -0.17%	13.4	2.3	5.8%
Tài chính	↑ 1.09%	12.8	2.5	29.1%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -0.87%	30.7	5.6	3.1%
VN - Index	↓ -0.06%	15.0	3.4	56.4%
HNX - Index	↓ -0.15%	16.8	1.7	43.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

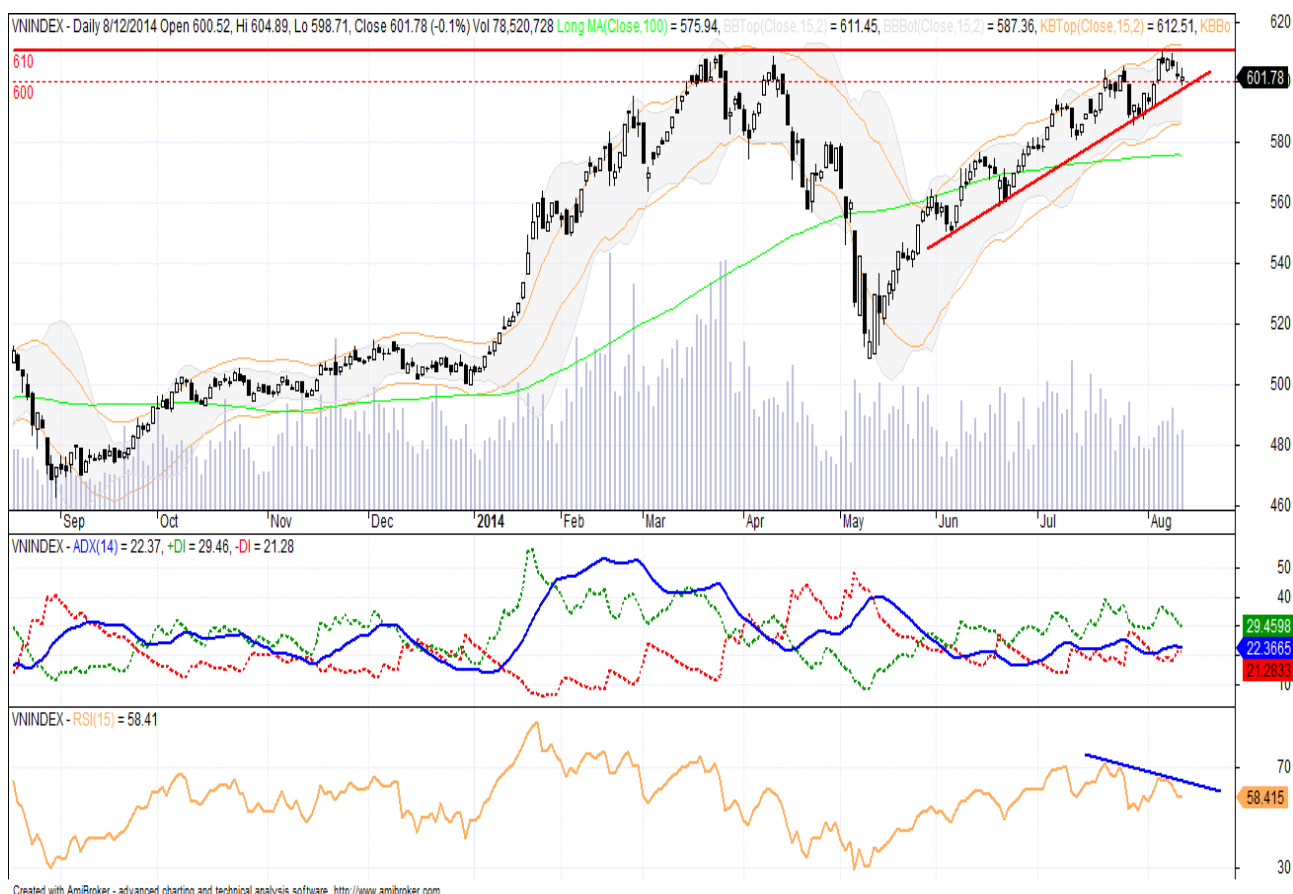
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)				
GTGD (triệu VND)				

Khối ngoại bán ròng phiên thứ 6 liên tiếp trên HOSE. Trong phiên giao dịch hôm nay, tổng giá trị bán ròng trên HOSE của khối này đạt 139,18 tỷ. Trong đó tiếp tục tập trung vào nhóm các mã Blue –Chips với lượng bán ròng mạnh nhất trong phiên hôm nay thuộc về các mã: VIC 65,7 tỷ, MSN 16,6 tỷ, HAG 12,2 tỷ, và KDC 8,8 tỷ. Đây được đánh giá là động thái chốt lời của khối này sau thời gian mua ròng liên tục trong các tháng 5 và 6. Hiện tại các mã Blue-Chips đều đã tăng khá trong thời gian qua và đang có xu hướng đồng loạt điều chỉnh. Xu hướng bán ròng của khối ngoại tiếp tục gây lo ngại trong bối cảnh VN-Index đang có xu hướng vận động kém trong 3 phiên gần đây sau khi chạm mức cao nhất trong năm nay.



Trong báo cáo điều hành chính sách 7 tháng đầu năm của NHNN, tín dụng toàn hệ thống mới chỉ tăng 3,68%, còn khá xa so với mục tiêu tăng trưởng 12-14% trong năm nay. Một trong những nguyên nhân cơ bản ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống liên quan đến việc xử lý các khoản nợ xấu. Theo số liệu từ NHNN, tỷ lệ thu hồi nợ thông qua khởi kiện và thi hành án của NH đang ở mức độ rất thấp (khoảng 1%/tổng số thu hồi). Đây cũng là một trong các nguyên nhân khiến việc xử lý nợ xấu tại các ngân hàng rất chậm qua đó ảnh hưởng trực tiếp lên tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của toàn ngành.

Nhận định thị trường: Xu hướng tiếp tục điều chỉnh giảm điểm của 2 chỉ số đi kèm thanh khoản không có sự cải thiện cùng với động thái tiếp tục bán ròng chốt lời mạnh của khối ngoại trong các phiên gần đây ở nhóm các mã Blue-Chips – vốn là động lực tăng điểm của VN-Index trong thời gian qua khiến chúng tôi duy trì trạng thái thận trọng trong ngắn hạn và khuyến nghị nhà đầu tư giảm dần tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục giao dịch ngắn hạn, chỉ nên giữ lại các cổ phiếu cơ bản tốt và còn động lực tăng điểm trong giai đoạn này.

VN-INDEX

NHẬN ĐỊNH KỸ THUẬT

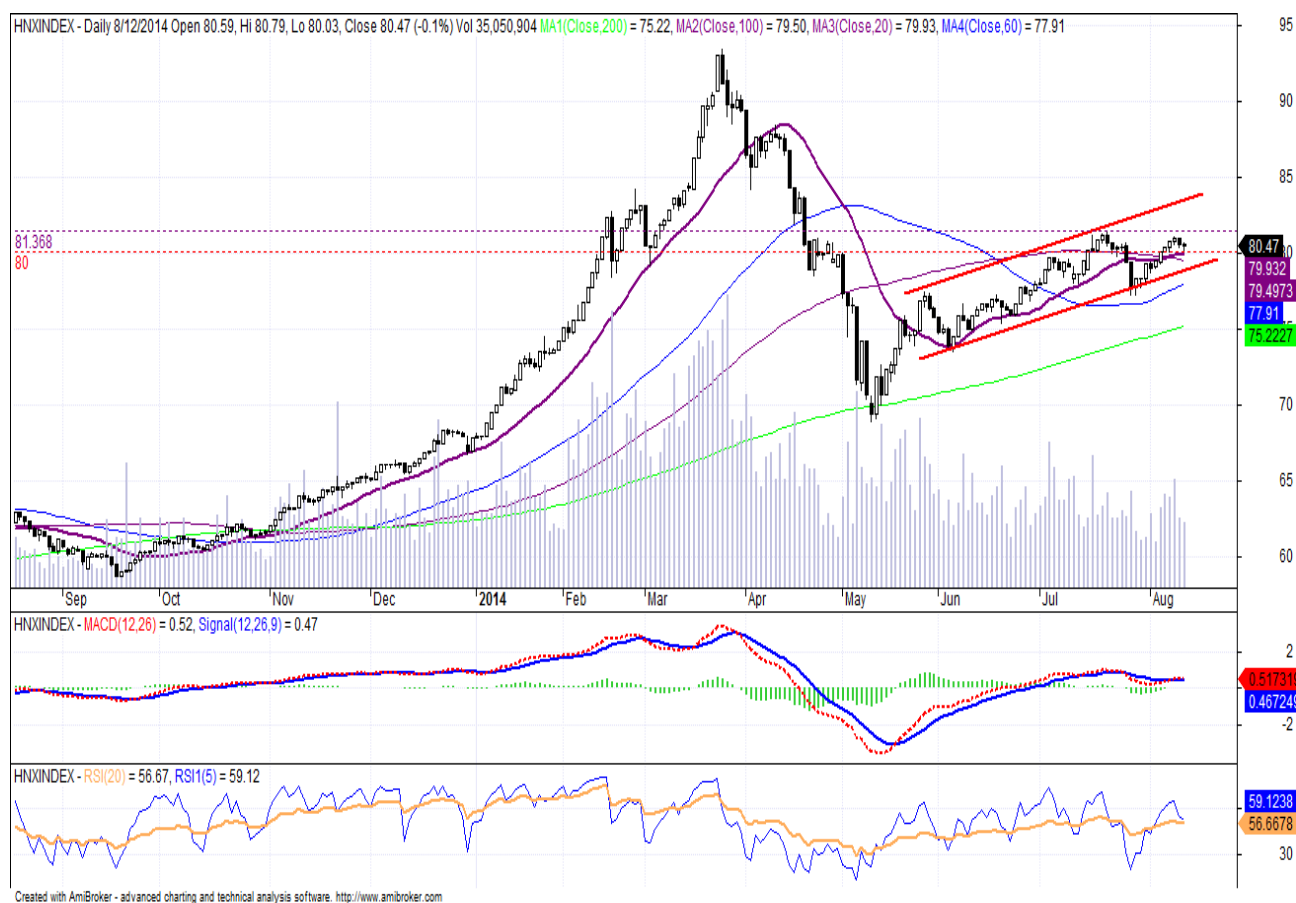
VN-Index điều chỉnh giảm điểm phiên thứ 3 liên tiếp và giao động trong phiên ở biên độ hẹp tạo ra các mẫu hình đảo chiều Doji, Spinning Top, Inverted Hammer xuất hiện liên tiếp cho thấy khả năng điều chỉnh đang có xu hướng lớn dần. Mức 600 điểm vẫn chưa bị phá vỡ và khối lượng giao dịch vẫn được duy trì ở mức ổn định trên 1.000 tỷ. Nhà đầu tư cần chú ý tiếp tục theo dõi biến động phiên tiếp theo của chỉ số này sau phiên giảm điểm tiệm cận ngưỡng hỗ trợ 600 điểm trong phiên hôm nay.

Các mã trụ như GAS, MSN, VNM bị điều chỉnh và bán ra khá mạnh trong phiên kéo lùi VN-Index giảm điểm mặc dù PVD, VIC và một vài mã vốn hóa lớn hoạt động khá tốt trong phiên hôm nay.

Chỉ báo RSI đang có dấu hiệu phân kỳ giá. Đây là dấu hiệu không tốt trong giai đoạn điều chỉnh này của VN-Index.

Đường +DI tiếp tục xu hướng quay đầu giảm điểm trong khi ADX có xu hướng đi ngang hướng xuống dưới cho thấy động lực tăng điểm đã giảm dần.

Phiên giao dịch mai nếu VN-Index tiếp tục giảm qua ngưỡng 600 điểm và nhà đầu tư tiếp tục xu hướng bán ròng các mã Blue-Chips, khả năng điều chỉnh mạnh sẽ tăng cao.

HN-INDEX

NHẬN ĐỊNH KỸ THUẬT

Chỉ số HNX-Index tiếp tục xu hướng giảm điểm nhẹ test lại vùng hỗ trợ mạnh 79 - 80.5 điểm. Hàng loạt mã trụ giảm điểm trong phiên sáng tuy nhiên có xu hướng phân hóa khi chốt phiên giao dịch. Các mã ACB, PVX, SHS chốt phiên giá tham chiếu, PVS tăng điểm cuối phiên là động lực cho chỉ số này ko bị điều chỉnh quá mạnh. Ngưỡng 80 điểm trong phiên mai tiếp tục là ngưỡng quan trọng đánh giá khả năng tiếp tục tăng điểm của HN-Index.

Thanh khoản tiếp tục điều chỉnh xuống 35,04 triệu đơn vị so với 37,11 triệu đơn vị trong phiên hôm qua. Khả năng tiếp tục điều chỉnh là khá cao nếu lực cầu không được cải thiện trong phiên mai.

RSI5 tiếp tục xu hướng cắt xuống RSI20 cho thấy rủi ro giảm điểm ngắn hạn tiếp tục diễn ra.

**BẢNG THEO DÕI CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ**

Mã CP	Ngày mở trạng thái	Mua/Bán	Giá Mua/Bán	Giá mục tiêu	Giá stop loss	Giá hiện tại	Trạng thái hiện tại	Lãi/lỗ dự kiến	Ghi chú
PVT	5/8/2014	Mua	13.5	16.2	11.4	14.3	Mở trạng thái	5.9%	Khuyến nghị theo TA&FA
SSI	5/8/2014	Mua	25.7	30.8	23.1	26.2	Mở trạng thái	1.9%	Khuyến nghị theo TA&FA

Lưu ý:

- Các cổ phiếu khuyến nghị đều được lựa chọn trên tiêu chí: Thanh khoản bình quân 52T >= 200.000 CP/Phiên. Doanh nghiệp có năng lực tài chính tốt, có kết quả kinh doanh tăng trưởng đều qua các quý/năm (hoặc) có chuyển biến nội tại tích cực về năng lực tài chính, KQKD trong ngắn/dài hạn. Ngoài ra các khuyến nghị cũng có thể dựa trên thuần túy phân tích kỹ thuật.

- Các khuyến nghị bán được thực hiện không chỉ dựa trên mức giá mục tiêu, giá stop loss mà còn phụ thuộc tình hình thị trường chung thay đổi (hoặc) cổ phiếu vẫn hoạt động tốt nên chúng tôi tiếp tục cho cổ phiếu chạy, dời mức trailing stop về 5% so với giá đóng cửa cao nhất mà cổ phiếu này đạt được (hoặc) cổ phiếu chuyển sang giai đoạn hoạt động kém hiệu quả nên mức stoploss/mức giá mục tiêu bị dời lại.

CẬP NHẬT TÌNH HÌNH DN TRONG DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ

VĨ MÔ - CHÍNH SÁCH

Nhập siêu từ Trung Quốc, trung bình mỗi tháng là trên 2 tỷ USD

Tính đến hết tháng 7, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Trung Quốc ước đạt hơn 23 tỷ USD, tăng gần 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, Việt Nam tiếp tục nhập siêu từ Trung Quốc hơn 14 tỷ USD, trung bình khoảng 2 tỷ USD mỗi tháng

TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Trên 70% nợ xấu có khả năng mất vốn

Tính đến cuối tháng 5-2014, nợ xấu trên địa bàn đạt hơn 46.400 tỉ đồng, trong đó nhóm nợ có khả năng mất vốn chiếm đến 70,51%. So với năm 2013, nợ xấu tăng trên 3,8%, tương ứng hơn 1.700 tỉ đồng. Trong năm tháng đầu năm, chỉ mới xử lý được hơn 6.600 tỉ đồng nợ xấu.

Cuối quý 2, số dư tài khoản thanh toán cá nhân hơn 128,000 tỷ đồng

Như vậy, với số dư tài khoản thanh toán này, ngân hàng chỉ phải trả lãi khoảng 1,280 tỷ đồng thay vì trả hơn 7,600 tỷ đồng nếu tính theo lãi suất 6% kỳ hạn 1-6 tháng.

Tỷ giá giảm tiếp, giá vàng trong nước cao hơn thế giới 3,2 triệu đồng/lượng

Lúc 8h04 sáng nay 12/8, giá vàng SJC tại TPHCM giao dịch ở 36,6 – 36,72 triệu đồng/lượng, không đổi so với hôm qua. Nếu tính theo tỷ giá Vietcombank, giá vàng trong nước đang cao hơn thế giới khoảng 3,25 triệu đồng/lượng. Trên thị trường tiền tệ, tỷ giá tại các ngân hàng sáng nay hầu hết giảm nhẹ 5-10 đồng.

TIN TỨC NGÀNH**TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**

Chứng khoán toàn cầu tăng nhẹ phiên đầu tuần

TTCK toàn cầu tăng mạnh nhất kể từ tháng 4 trong khi đồng yên giảm giá trong bối cảnh nhà đầu tư lạc quan cho rằng căng thẳng giữa Nga và Ukraine sẽ dịu xuống. Các thị trường mới nổi và giá dầu cũng tăng mạnh

USD đi ngang do căng thẳng địa chính trị lắng dịu

Chỉ số đôla ICE - theo dõi tỷ giá của USD với 6 đồng tiền mạnh - duy trì ở 81,455 điểm. USD giao dịch ở 102,22 JPY/USD trong cả phiên. □

Giá vàng giảm nhẹ khi chứng khoán đi lên

Giá vàng thế giới phiên giao dịch đầu tuần biến động đôi chút khi chứng khoán toàn cầu đi lên và căng thẳng tại Ukraine và Trung Đông phần nào lắng dịu, khiến nhà đầu tư vàng chốt lời ở mức trên 1.300 USD/ounce.



KẾT QUẢ KINH DOANH

Inox Sơn Hà lãi sau thuế 10,4 tỷ đồng trong quý II	Lũy kế 6 tháng đầu năm, SHI đạt 904 tỷ đồng doanh thu và 13,4 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu doanh thu đạt 45% kế hoạch 2014
LBM: lãi sau thuế 1,6 tỷ đồng trong quý II, giảm 81% so với cùng kỳ	Lũy kế 6 tháng đầu năm, công ty đạt 97 tỷ đồng doanh thu và 2,8 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Cả 2 chỉ tiêu này lần lượt giảm 15% và 79% so với cùng kỳ 2013.
DLG: công ty mẹ lãi sau thuế quý II đạt 3 tỷ đồng	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2014, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của công ty lần lượt là 410 tỷ đồng và 19 tỷ đồng. Doanh thu tăng 80% và lợi nhuận hơn gấp 6 lần 6 tháng đầu năm ngoái.
DAG: lãi sau thuế quý II 9 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ	Lợi nhuận sau thuế của công ty là 13 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch năm 2014 là 12,5 tỷ đồng. Trước đó, lợi nhuận sau thuế cả năm 2013 của DAG xấp xỉ 27 tỷ đồng.
BBC: 6 tháng lãi 20 tỷ đồng, bằng 41% kế hoạch năm	Lũy kế 6 tháng đầu năm, Bibica đạt 435 tỷ đồng doanh thu, tăng 15% so với cùng kỳ và bằng 36% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 19,94 tỷ đồng, gấp 4 lần cùng kỳ nhưng mới chỉ hoàn thành 41% kế hoạch. EPS đạt 1.293 đồng
VNT công ty mẹ lãi sau thuế quý II 8,5 tỷ đồng, tăng 42% so với cùng kỳ	Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu công ty ngành giao nhận - tiếp vận này đạt 211 tỷ đồng, giảm 13% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, lợi nhuận sau thuế là 14 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ.

HOẠT ĐỘNG SXKD

THG: 18/08 GDKHQ lấy ý kiến đầu tư dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vấn đề đồng ý cho phép thực hiện đầu tư dự án Khu nhà ở thương mại xã Trung An. Thời gian dự kiến: Từ ngày 21/08/2014 đến ngày 20/09/2014
--	---

TIN TỨC KHÁC

Nhựa Đà Nẵng trả cổ tức 6% bằng tiền mặt	tương đương với 600 đồng cho một cổ phiếu. Ước tính công ty sẽ chi trên 1,3 tỷ đồng cho đợt cổ tức này.
SSI sắp trả cổ tức 2013 tỷ lệ 10%	Số tiền dự kiến chi trả cổ tức là 354 tỷ đồng. Nghị quyết cũng thông qua việc giao Chủ tịch HĐQT quyết định thời điểm phát hành, tiêu chuẩn và danh sách nhân viên được mua cổ phiếu ESOP là 2,32 triệu cổ phần.
Cổ phiếu Vicostone thỏa thuận gần 700 tỷ	Chỉ trong phiên sáng, 29,38 triệu cổ phiếu VCS (hơn 53% tổng lượng cổ phiếu của VCS) được chuyển nhượng theo hình thức thỏa thuận. Giá chuyển nhượng đạt 23.100 đồng/cổ phiếu tức tổng giá trị chuyển nhượng sáng nay của cổ phiếu này đạt gần 680 tỷ đồng

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q2.2014 CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	LNST Q2.2014	% so Q2.2013	LNST 6T.2014 (tỷ)	% so 6T.2013	So KH 2014	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	Tỷ lệ SHNN (%)
1	VNM	HOSE	1,575.4	(0.15)	2962.82	-12.2%	49.4%	7,347	22,260	18.65	29.08	49.00
2	PVS	HNX	520.7	0.86	786.98	45.1%	95.4%	3,942	18,671	8.65	6.22	28.68
3	FPT	HOSE	427.6	(0.04)	789.11	-1.7%	38.4%	4,634	22,064	10.90	9.72	49.00
4	DPM	HOSE	269.5	(0.70)	650.77	-59.2%	53.4%	3,355	23,676	8.67	17.05	24.81
5	DRC	HOSE	99.1	(0.10)	184.86	-2.1%	55.8%	4,470	18,466	11.30	12.47	34.10
6	HCM	HOSE	94.7	0.55	214.99	73.7%	63.0%	2,946	17,963	11.54	9.76	49.00
7	CSM	HOSE	90.8	(0.09)	169.32	0.4%	75.3%	5,370	20,553	7.91	13.69	23.64
8	PVB	HNX	89.0	3.33	108.96	271.5%	124.4%	6,403	17,062	7.00	7.88	0.06
9	HVG	HOSE	64.1	(0.42)	171.25	-20.8%	32.6%	1,210	19,718	20.82	2.14	12.88
10	PVT	HOSE	62.2	(0.27)	112.24	-13.2%	0.0%	854	11,472	16.75	2.65	11.12

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	LNST Q2.2014	% so Q2.2013	LNST 6T.2014 (tỷ)	% so 6T.2013	So KH 2014	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	Tỷ lệ SHNN (%)
1	KTB	HOSE	1.6	5100.0%	1.64	1390.9%		117	6,922.00	52.27	0.49	1.35
2	FMC	HOSE	18.9	1958.7%	23.23	1109.9%	74.5%	4,418	18,956.00	5.09	5.02	4.98
3	SCJ	HNX	7.3	1638.1%	8.19	1720.0%	42.0%	1,576	28,546.00	10.34	1.48	1.30
4	DRH	HOSE	0.9	1185.7%	1.24	226.3%		(34)	10,642.00	(118.66)	(0.50)	13.90
5	HT1	HOSE	11.3	1040.4%	13.28	700.0%	81.2%	52	10,438.00	279.11	0.03	5.35
6	SCL	HNX	7.0	1004.8%	11.52	27.3%	37.8%	4,449	15,069.00	4.92	10.75	0.42
7	KHB	HNX	0.6	787.5%	0.57	163.3%		(298)	14,939.00	(15.12)	(2.41)	2.48
8	ICF	HOSE	2.0	720.8%	3.33	1180.8%		377	13,946.00	15.40	0.78	3.13
9	BSI	HOSE	12.9	675.9%	23.13	468.3%	117.0%	395	8,272.00	19.99	1.02	0.88
10	DHC	HOSE	12.3	639.8%	21.48	200.8%		2,759	15,350.00	5.94	7.47	6.30

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 6T.2014 SO CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	LNST Q2.2014	% so Q2.2013	LNST 6T.2014 (tỷ)	% so 6T.2013	So KH 2014	EPS (đ)	BVPS (đ)	P/E	P/B	Tỷ lệ SHNN (%)
1	SCJ	HNX	7.3	1638.1%	8.19	1720.0%	42.0%	1,576	28,546.00	10.34	1.48	1.30
2	KTB	HOSE	1.6	5100.0%	1.64	1390.9%		117	6,922.00	52.27	0.49	1.35
3	ICF	HOSE	2.0	720.8%	3.33	1180.8%		377	13,946.00	15.40	0.78	3.13
4	FMC	HOSE	18.9	1958.7%	23.23	1109.9%	74.5%	4,418	18,956.00	5.09	5.02	4.98
5	IVS	HNX	0.8	250.0%	2.84	1036.0%	9.9%	233	10,420.00	29.23	1.00	5.08
6	HT1	HOSE	11.3	1040.4%	13.28	700.0%	81.2%	52	10,438.00	279.11	0.03	5.35
7	TNT	HOSE	0.2	-15.4%	0.22	633.3%	2.8%	(2,986)	9,702.00	(1.10)	-	9.95
8	BSI	HOSE	12.9	675.9%	23.13	468.3%	117.0%	395	8,272.00	19.99	1.02	0.88
9	SHS	HNX	6.7	22.6%	79.08	458.9%	34.0%	767	8,661.00	11.22	3.52	4.49
10	GTT	HOSE	1.1	280.6%	2.04	451.4%	5.4%	63	10,403.00	77.80	0.06	0.56

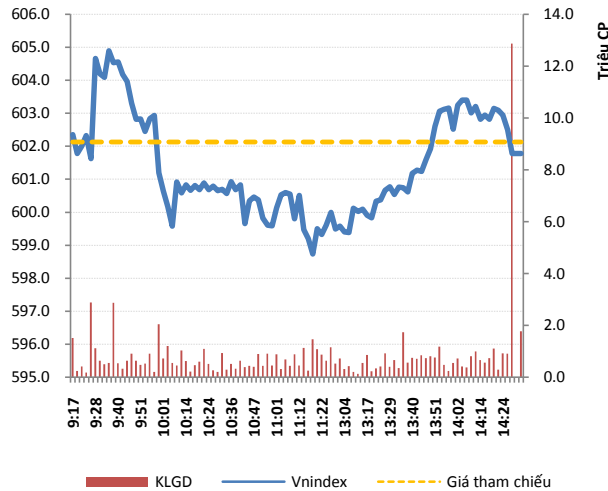
Ghi chú: Chỉ lọc các cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên gần nhất > 50.000 cổ phiếu.

Các chỉ số EPS, ROE tính theo 4 quý gần nhất. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 28/07/2014

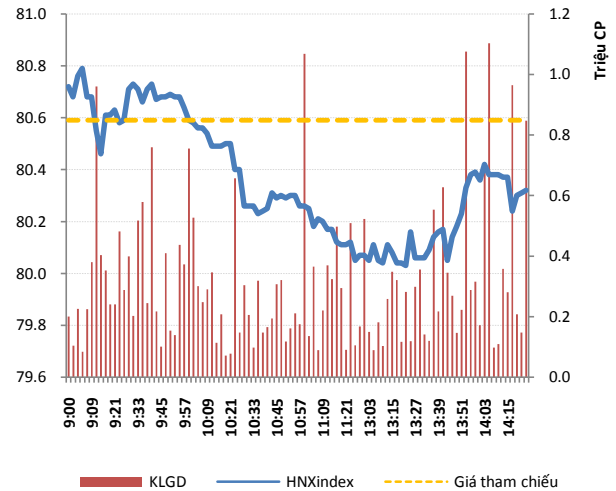


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

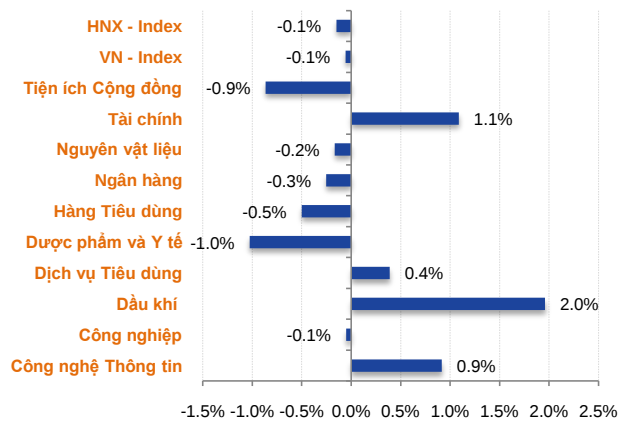
KLGD và VN-Index trong phiên



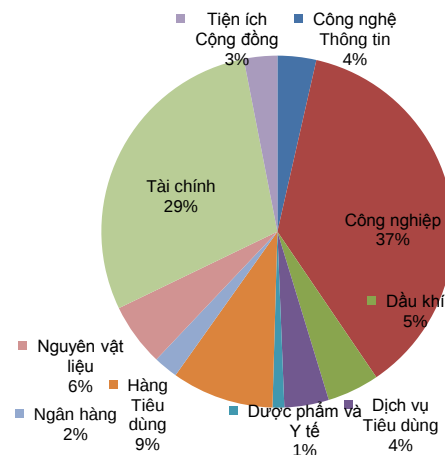
KLGD và HNX-Index trong phiên



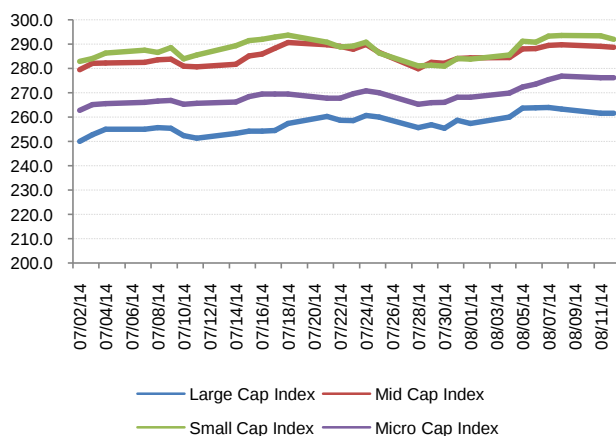
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



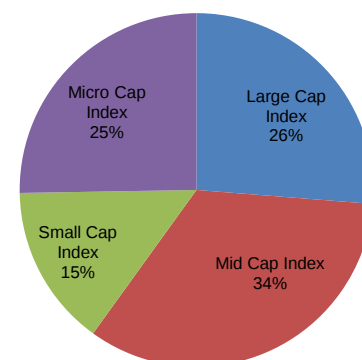
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SAM	147,240	VIC	846,640
2	TNT	50,000	HAG	485,350
3	HSG	45,850	PPC	228,300
4	MWG	38,960	MSN	194,090
5	CSM	31,100	KDC	147,950

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	63,000	SHB	69,700
2	PVC	25,000	SD1	69,000
3	KSQ	11,900	VCG	68,000
4	SDU	10,800	VTM	54,000
5	VND	10,100	PVE	44,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	14.1	14.1	→ 0.00%	14,917,160
HQC	8.0	7.8	↓ -2.50%	3,895,100
SAM	11.5	11.4	↓ -0.87%	3,516,030
OGC	11.5	11.6	↑ 0.87%	3,334,570
IJC	14.8	14.6	↓ -1.35%	2,065,340

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VCS	21.0	19.5	↓ -7.14%	29,838,621
KLF	12.5	13.0	↑ 4.00%	6,627,200
SCR	9.1	9.1	→ 0.00%	3,451,000
PVX	4.6	4.6	→ 0.00%	3,396,400
KLS	11.3	11.3	→ 0.00%	1,668,400

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KDH	20.2	21.6	1.4	↑ 6.93%
PTC	5.9	6.3	0.4	↑ 6.78%
SFI	29.8	31.8	2.0	↑ 6.71%
MPC	54.5	58.0	3.5	↑ 6.42%
HAX	8.1	8.6	0.5	↑ 6.17%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PJC	12.0	15.0	3.0	↑ 25.00%
SAP	15.0	16.5	1.5	↑ 10.00%
MIM	5.0	5.5	0.5	↑ 10.00%
HDA	10.1	11.1	1.0	↑ 9.90%
CAN	30.8	33.8	3.0	↑ 9.74%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMS	35.9	33.4	-2.5	↓ -6.96%
SVI	38.9	36.4	-2.5	↓ -6.43%
TRA	78.0	73.0	-5.0	↓ -6.41%
NVN	3.4	3.2	-0.2	↓ -5.88%
VCF	170.0	161.0	-9.0	↓ -5.29%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KTT	5.0	4.5	-0.5	↓ -10.00%
TV3	18.0	16.2	-1.8	↓ -10.00%
SKS	10.2	9.2	-1.0	↓ -9.80%
ECI	19.9	18.0	-1.9	↓ -9.55%
L14	9.5	8.6	-0.9	↓ -9.47%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	14,917,160	9.4%	1,290	10.9	1.0
HQC	3,895,100	2.5%	267	29.2	0.7
SAM	3,516,030	3.4%	638	17.9	0.6
OGC	3,334,570	2.1%	227	51.2	1.1
IJC	2,065,340	5.6%	603	24.2	1.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VCS	29,838,621	6.8%	1,339	14.6	1.0
KLF	6,627,200	16.2%	637	20.4	1.1
SCR	3,451,000	0.9%	137	66.5	0.6
PVX	3,396,400	-188.8%	(5,604)	-	2.3
KLS	1,668,400	6.6%	882	12.8	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	↑ 6.9%	-14.9%	(2,937)	(7.4)	1.0
PTC	↑ 6.8%	-1.5%	(274)	(23.0)	0.3
SFI	↑ 6.7%	12.0%	3,330	9.5	1.1
MPC	↑ 6.4%	37.3%	8,860	6.5	2.2
HAX	↑ 6.2%	9.3%	713	12.1	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PJC	↑ 25.0%	11.8%	2,239	14.6	0.8
SAP	↑ 10.0%	9.5%	1,072	15.4	1.5
MIM	↑ 10.0%	-17.0%	(1,856)	(3.0)	0.5
HDA	↑ 9.9%	8.5%	982	11.3	1.0
CAN	↑ 9.7%	16.1%	3,325	10.2	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SAM	147,240	3.4%	638	17.9	0.6
TNT	50,000	-29.6%	(2,986)	-	0.3
HSG	45,850	17.7%	4,120	10.3	1.9
MWG	38,960	40.7%	4,126	28.6	6.6
CSM	31,100	28.8%	5,370	7.9	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	63,000	21.5%	3,942	8.6	1.8
PVC	25,000	10.0%	1,676	13.9	1.3
KSQ	11,900	1.9%	199	31.7	0.6
SDU	10,800	-0.4%	(61)	-	0.6
VND	10,100	8.8%	1,092	13.8	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	217,925	33.4%	5,936	19.4	6.1
VNM	114,180	34.1%	7,347	18.6	6.2
VIC	72,977	47.0%	8,309	9.4	4.7
VCB	68,758	10.4%	1,653	15.6	1.4
MSN	63,202	2.2%	451	190.6	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	15,232	21.5%	3,942	8.6	1.8
ACB	13,920	5.4%	741	20.7	1.1
SQC	8,584	-4.1%	(495)	-	7.4
SHB	7,798	7.9%	912	9.7	0.7
VCG	5,919	8.3%	1,018	13.2	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DLG	3.41	2.2%	222	49.1	0.9
AVF	3.19	0.9%	144	31.9	0.3
VHG	3.09	13.0%	1,461	6.4	1.5
KSA	2.94	7.4%	874	9.1	0.7
HQC	2.94	2.5%	267	29.2	0.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
ORS	3.34	-106.3%	(4,853)	-	1.1
S12	3.33	4.1%	530	15.5	0.6
VIG	3.32	3.9%	256	17.9	0.7
PFL	3.17	-21.1%	(1,895)	-	0.4
PVL	2.96	-5.7%	(557)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài
Gòn, Số 236-238
Ng.Công Trứ, P.Nguyễn Thái
Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.8.39151368
Fax: 84.8.39151369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Đỗ Quang Hợp
hop.dq@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)